

Số: /TTr-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

**Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một
số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16/12/2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND Thành phố số: 21/NQ-HĐND ngày 23/9/2021; 28/NQ-HĐND ngày 08/12/2021; 02/NQ-HĐND ngày 08/4/2022; 13/NQ-HĐND ngày 06/7/2022; 21/NQ-HĐND ngày 12/9/2022; 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022, 12/NQ-HĐND ngày 04/7/2023 và 40/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về cập nhật, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 12/9/2022 của HĐND Thành phố về quy định phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực hạ tầng, kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND Thành phố quy định một số nội dung về quản lý đầu tư các chương trình, dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại các Báo cáo phê duyệt điều chỉnh văn kiện, Báo cáo thẩm định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư kèm theo hồ sơ, đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội.

Sau khi xem xét, Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư đối với một số dự án đầu tư công như sau:

A. NỘI DUNG HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Tổng số dự án trình HĐND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư tại kỳ họp HĐND Thành phố lần thứ 18 là 27 dự án (*trong đó có 01 dự án nhóm A, 25 dự án nhóm B, 01 dự án nhóm C*) với tổng mức đầu tư (*viết tắt TMĐT*) dự kiến là 13.832 tỷ đồng. Trong đó:

I. Phê duyệt chủ trương đầu tư: 18 dự án (*17 dự án nhóm B và 01 dự án nhóm C*) với tổng mức đầu tư dự kiến 10.009 tỷ đồng, gồm:

1. Các dự án hoàn thành trong kỳ: 01 dự án nhóm C sử dụng ngân sách quận Ba Đình với TMĐT dự kiến là 19 tỷ đồng.

2. Các dự án thực hiện trong 2 kỳ kế hoạch: 04 dự án nhóm B với TMĐT dự kiến là 2.846 tỷ đồng, gồm:

- 01 dự án sử dụng ngân sách Thành phố với TMĐT dự kiến là 385 tỷ đồng;

- 02 dự án sử dụng 02 nguồn ngân sách (*NSTP và NS cấp huyện*) với TMĐT dự kiến là 1.344 tỷ đồng (*Ngân sách cấp Thành phố là 1.168 tỷ đồng; Ngân sách cấp huyện là 176 tỷ đồng*).

- 01 dự án sử dụng ngân sách huyện Thường Tín với TMĐT dự kiến là 1.116 tỷ đồng.

3. Các dự án phê duyệt chủ trương đầu tư để thực hiện cho giai đoạn 2026-2030: 13 dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố với TMĐT dự kiến là 7.144 tỷ đồng;

II. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư: 09 dự án (*01 dự án nhóm A và 08 dự án nhóm B*) với TMĐT dự kiến là 3.823 tỷ đồng, trong đó: 08 dự án cấp Thành phố với TMĐT điều chỉnh dự kiến là 3.562 tỷ đồng; 01 dự án sử dụng ngân sách huyện Đan Phượng với TMĐT điều chỉnh dự kiến là 260 tỷ đồng.

III. Về nhu cầu vốn và khả năng cân đối vốn cho các dự án

1. Đối với dự án phê duyệt chủ trương đầu tư để hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án hạ tầng kỹ thuật nhóm C với TMĐT dự kiến 19 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 ngân sách quận Ba Đình dự kiến là 16,47 tỷ đồng.

2. Đối với các dự án phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện trong 2 kỳ kế hoạch

a) Dự án sử dụng ngân sách Thành phố: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án nhóm B lĩnh vực y tế với TMĐT dự kiến 385 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là 50 tỷ đồng. Dự án này thuộc danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025 của Thành phố, đã được dự nguồn chi tiết 100 tỷ đồng.

b) Dự án sử dụng 02 nguồn ngân sách (ngân sách cấp Thành phố và ngân sách cấp huyện): Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 02 dự án nhóm B thuộc lĩnh vực giáo dục (*trường liên cấp tại Sóc Sơn và Đan Phượng*) với tổng mức đầu tư dự kiến 1.344 tỷ đồng (NSTP là 1.168 tỷ đồng, NS cấp huyện là 176 tỷ đồng), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là 120 tỷ đồng sử dụng ngân sách cấp huyện Sóc Sơn (50 tỷ đồng) và Đan Phượng (70 tỷ đồng).

c) Dự án sử dụng ngân sách cấp huyện: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án nhóm B lĩnh vực giao thông với TMĐT dự kiến 1.116 tỷ đồng (*sử dụng ngân sách huyện Thường Tín*), nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là 200 tỷ đồng.

3. Đối với các dự án phê duyệt chủ trương đầu tư để thực hiện trong giai đoạn 2026-2030

Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 13 dự án nhóm B với TMĐT dự kiến 7.144 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 ngân sách cấp Thành phố dự kiến 6.060 tỷ đồng, gồm:

(1) Lĩnh vực giáo dục: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án nhóm B với TMĐT dự kiến 148 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 ngân sách cấp Thành phố dự kiến 140 tỷ đồng.

(2) Lĩnh vực giao thông: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 10 dự án nhóm B với TMĐT dự kiến 6.648 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 ngân sách Thành phố dự kiến là 5.615 tỷ đồng.

(3) Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án nhóm B với TMĐT dự kiến 128 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 ngân sách Thành phố dự kiến là 128 tỷ đồng.

(4) Lĩnh vực HTKT tái định cư: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án nhóm B với tổng mức đầu tư dự kiến 218 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030 ngân sách Thành phố dự kiến là 185 tỷ đồng.

3. Đối với các dự án phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư: Đề xuất phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư cho 09 dự án (01 dự án nhóm A, 08 dự án nhóm B) với tổng mức đầu tư dự kiến 3.823 tỷ đồng

a) Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 08 dự án cấp Thành phố với TMĐT dự kiến là 3.562 tỷ đồng, nhu cầu điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là giảm 25 tỷ đồng (*04 dự án có nhu cầu tăng 375 tỷ đồng; 01 dự án giảm 400 tỷ đồng và 03 dự án không có nhu cầu điều chỉnh KHV trung hạn*);

b) Đối với các dự án sử dụng ngân sách cấp huyện: Đề xuất phê duyệt chủ trương đầu tư cho 01 dự án sử dụng ngân sách huyện Đan Phượng với TMĐT dự kiến là 260 tỷ đồng, nhu cầu kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 là 50 tỷ đồng.

B. DANH MỤC HỒ SƠ KÈM THEO

Đến nay, 27/27 dự án đã có báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư hoặc Hội đồng thẩm định Thành phố và Tờ trình của UBND Thành phố.

C. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

1. Ngày 15/9/2024, Ban cán sự đảng UBND Thành phố đã có Tờ trình số 294-TTr/BCSD và Báo cáo số 150-BC/BCSD, UBND Thành phố đã có Tờ trình, Báo cáo gửi HĐND Thành phố về định hướng Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 của thành phố Hà Nội, trong đó Thành phố đã xây dựng 03 phương án nhu cầu đầu tư giai đoạn 2026-2030. Trong đó nhu cầu vốn cho các chương trình, dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố được xây dựng 03 phương án: (1) Phương án 1 là 392.111 tỷ đồng; (2) Phương án 2 là 437.707 tỷ đồng; (3) Phương án 3 là 653.924 tỷ đồng.

Trong đó, để thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu của Nghị quyết số 15-NQ/TW, Quy hoạch Thủ đô Hà Nội, UBND Thành phố đề xuất lựa chọn nhu cầu nguồn vốn phương án 1 (phương án tối thiểu). Thời gian tới đây, trên cơ sở xác định được việc khai thác, bổ sung các nguồn vốn của Thành phố thì sẽ tiếp tục nghiên cứu triển khai các dự án theo phương án 2, 3.

- Về nguồn vốn, khả năng cân đối nguồn vốn Kế hoạch 2026-2030: Hiện Trung ương chưa có thông báo mức vốn cho các địa phương. Rà soát sơ bộ, dự kiến nguồn lực Kế hoạch 2026-2030 của Thành phố như sau:

(1). Nguồn ngân sách cấp Thành phố:

- Nguồn cân đối ngân sách địa phương: 124.600 tỷ đồng, gồm:
 - + Nguồn thu xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp: 73.362 tỷ đồng.
 - + Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 49.045 tỷ đồng.
 - + Nguồn thu xổ số kiến thiết: 2.193 tỷ đồng.

- Các nguồn vốn theo cơ chế, chính sách đặc thù của Luật Thủ đô (nguồn thu cổ phần hoá, nguồn cải cách tiền lương còn dư) tạm thời chưa đề xuất.

- Nguồn ODA vay lại (nguồn nợ vay chính quyền địa phương 100% từ nguồn vốn ODA): 30.400 tỷ đồng.

- Nguồn NSTW trong nước là 10.290 tỷ đồng;
- Nguồn ODA cấp phát là 11.796 tỷ đồng.

(2) Ngân sách quận, huyện, thị xã: 122.469 tỷ đồng, gồm:

+ Nguồn thu xây dựng cơ bản tập trung theo phân cấp: 38.364 tỷ đồng.

+ Nguồn thu từ tiền sử dụng đất: 84.105 tỷ đồng.

Để đảm bảo nguồn lực triển khai thực hiện Kế hoạch, trước hết là theo Phương án tối thiểu như trên, Ban cán sự đảng UBND Thành phố, UBND Thành phố đã, đang và tiếp tục chỉ đạo các đơn vị có liên quan rà soát, khơi thông nguồn lực, đảm bảo nguồn vốn cho Phương án 1, gồm nguồn thu theo quy định của Luật Thủ đô (cải cách tiền lương còn dư, nguồn huy động với mức dư nợ vay tối đa đến năm 2030 khoảng 197.500 tỷ đồng, nguồn thu từ đất dự kiến khoảng 458.644,5 tỷ đồng theo Đề án "Khai thác tổng thể nguồn lực đất đai để tạo vốn phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hà Nội giai đoạn 2024-2025 và giai đoạn tiếp theo",...).

*** Theo Phương án 1**, tổng nhu cầu kế hoạch vốn 2026-2030 là 392.111 tỷ đồng, trong đó kế hoạch vốn 2021-2025 chuyển sang giai đoạn 2026-2030 phần ngân sách Thành phố trong nước khoảng 154.796 tỷ đồng, gồm: Số vốn chuyển tiếp (dự án cấp Thành phố, hỗ trợ mục tiêu cấp huyện, ghi thu ghi chi BT) khoảng 134.289 tỷ đồng; các dự án dự kiến đầu tư (chưa phê duyệt chủ trương đầu tư) khoảng 20.506 tỷ đồng.

Đối với 134.289 tỷ đồng của nhóm dự án (*dự án cấp Thành phố, hỗ trợ mục tiêu cấp huyện, ghi thu ghi chi BT*) đã bao gồm khoản 26.306 tỷ đồng để thực hiện nhiệm vụ quyết toán các dự án hoàn thành (*giá trị này được tính bằng TMĐT của các dự án chuyển sang giai đoạn 2026-2030 trừ đi lũy kế giải ngân từ đầu dự án đến hết năm 2020 và kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2021-2025 của dự án sau điều chỉnh, dự kiến kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030*).

Như vậy, với nguồn cân đối ngân sách địa phương khoản 124.600 tỷ đồng, nếu chưa tính đến 26.306 tỷ đồng vốn quyết toán cho các dự án chuyển tiếp (*sẽ thực hiện theo tiến độ hoàn thiện thủ tục thanh quyết toán. Đồng thời đã dự kiến nhu cầu quyết toán giai đoạn 2026-2030 khoản 2.000 tỷ đồng*) thì nguồn vốn cho các dự án mới giai đoạn 2026-2030 ngân sách địa phương sẽ khoảng: $124.600 - 134.289 + 26.306 = 16.617$ tỷ đồng.

2. Đánh giá theo Điều 89 của Luật Đầu tư công năm 2019

Hiện UBND Thành phố đang trình HDDND Thành phố phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025. Theo đó:

2.1. Trước khi điều chỉnh, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố là **254.316 tỷ đồng**. Theo đó, 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cấp Thành phố theo Điều 89 Luật Đầu tư công là **50.863 tỷ đồng**.

Tổng giá trị tổng mức đầu tư của các dự án cấp Thành phố đang triển khai, đã được phê duyệt chủ trương đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 khoảng **120.982 tỷ đồng** (không bao gồm các dự án dự kiến đầu tư đến nay chưa phê duyệt CTĐT và 29.447 tỷ đồng trách nhiệm của Nhà đầu tư dự án thành phần 3 thuộc dự án Vành đai 4, trách nhiệm của ngân sách các huyện đối với một số dự án¹), tương đương với **47,6%** tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

Trường hợp loại trừ 03 nhóm dự án (*Dự án ODA, dự án quan trọng quốc gia, các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù từ nguồn thu từ đất*)² thì tổng giá trị tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 là **83.733 tỷ đồng**, tương đương với **32,9%** tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025.

2.2. Sau điều chỉnh, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 cấp Thành phố là **233.425 tỷ đồng**. Theo đó, 20% tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 cấp Thành phố theo Điều 89 Luật Đầu tư công là **46.685 tỷ đồng**.

Theo phương án điều chỉnh đề xuất, tổng giá trị tổng mức đầu tư của các dự án cấp Thành phố đang triển khai, đã được phê duyệt chủ trương đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 khoảng **147.648 tỷ đồng** - cao hơn so với trước khi điều chỉnh là **26,666 tỷ đồng** (không bao gồm các dự án dự kiến đầu tư đến nay chưa phê duyệt CTĐT và 29.447 tỷ đồng trách nhiệm của Nhà đầu tư dự án thành phần 3 thuộc dự án Vành đai 4, trách nhiệm của ngân sách các huyện đối với một số dự án³), tương đương với **63,3%** tổng số vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh.

Trường hợp loại trừ 04 nhóm dự án (*Dự án ODA, dự án quan trọng quốc gia, các dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù từ nguồn thu từ đất; nhóm dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 chuyển sang thực hiện trong giai đoạn 2026-2030*)⁴ thì tổng giá trị tổng mức đầu tư chuyển sang giai đoạn 2026-2030 là **94.419 tỷ đồng**, tương đương với **40,4% KHV trung hạn** giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh.

¹ 24 dự án có sử dụng ngân sách cấp huyện, ngân sách khác với TMĐT là 7.225 tỷ đồng.

² (i) Dự án Vành đai 4 chuyển sang giai đoạn sau là 12.829 tỷ đồng; (ii) 03 dự án sử dụng vốn ODA chuyển sang giai đoạn sau là 19.673 tỷ đồng (thuộc nhóm quan trọng quốc gia có TMĐT trên 10.000 tỷ đồng: Hệ thống xử lý nước thải Yên Xá; Tuyến đường sắt đô thị thí điểm TP Hà Nội, đoạn Nhón - Ga Hà Nội; Tuyến đường sắt đô thị TPHN (tuyến 2) đoạn Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo); (iii) 02 dự án đặc thù sử dụng nguồn thu từ đất của quận Hoàng Mai (đường Tam Trinh, Lĩnh Nam) với TMĐT chuyển sang giai đoạn 2026-2030 là 4.747 tỷ đồng (dự kiến triển khai một phần từ ngân sách Quận).

³ 24 dự án có sử dụng ngân sách cấp huyện, ngân sách khác với TMĐT là 7.225 tỷ đồng.

⁴ (i) Dự án Vành đai 4 chuyển sang giai đoạn sau là 19.099 tỷ đồng; (ii) 03 dự án sử dụng vốn ODA chuyển sang giai đoạn sau là 18.294 tỷ đồng; (iii) 02 dự án đặc thù sử dụng nguồn thu từ đất của quận Hoàng Mai (đường Tam Trinh, Lĩnh Nam) dự kiến triển khai một phần từ ngân sách Quận chuyển sang giai đoạn sau là 4.747 tỷ đồng; (iv) nhóm dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 chuyển sang thực hiện trong giai đoạn 2026-2030: 35 dự án với TMĐT là 11.089 tỷ đồng.

Để việc điều hành kế hoạch đầu tư công được gắn với thực tế, đảm bảo tính khả thi và chuẩn bị kỹ lưỡng cho giai đoạn 2026-2030, UBND Thành phố báo cáo, kính đề nghị Hội đồng nhân dân Thành phố xem phê duyệt chủ trương đầu tư và điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư công của thành phố Hà Nội nêu trên và cho phép UBND Thành phố được cập nhật Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 của từng dự án bằng kế hoạch vốn đã báo cáo HĐND Thành phố tại Tờ trình này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thường trực Thành ủy;
 - Thường trực HĐND Thành phố;
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - Các Phó Chủ tịch UBND TP;
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư;
 - VPUB: CVP, các PCVP, các phòng chuyên viên;
 - Lưu: VT.
- (để báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn

Phụ lục

DANH MỤC DỰ ÁN TRÌNH HĐND THÀNH PHỐ THÔNG QUA CHỦ TRƯỞNG ĐIỀU CHỈNH, PHÊ DUYỆT VÀ ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

TẠI KỶ HỌP LẦN THỨ 18 CỦA HĐND THÀNH PHỐ KHÓA XVI, NHIỆM KỶ 2021-2026

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /9/2024 của UBND Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm đã được phê duyệt hoặc dự nguồn		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư (Dự kiến)	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C			Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung/điều chỉnh KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030				Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố	
												Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
*	Tổng cộng (A+B+C)	1	25	1	27		13.832.319	12.259.824	1.572.495	1.950.000	100.000	311.470	-75.000	386.470	9.068.934	8.112.364	956.570				
A	Phê duyệt chủ trương đầu tư		17	1	18		10.009.198	8.697.255	1.311.943	100.000	100.000	286.470	-50.000	336.470	8.213.634	7.457.064	756.570				
A.1	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong kỳ kế hoạch (sử dụng NS cấp huyện)			1	1		19.373		19.373			16.470		16.470							
A.2	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong 2 kỳ kế hoạch		4		4		2.845.854	1.553.284	1.292.570	100.000	100.000	270.000	-50.000	320.000	2.153.170	1.396.600	756.570				
A.2.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố		1		1		385.265	385.265		100.000	100.000	-50.000	-50.000		296.600	296.600					
A.2.2	Các Dự án sử dụng 2 nguồn ngân sách (NSTP và NS cấp huyện)		2		2		1.344.589	1.168.019	176.570			120.000		120.000	1.156.570	1.100.000	56.570				
A.2.3	Các Dự án sử dụng ngân sách cấp huyện		1		1		1.116.000		1.116.000			200.000		200.000	700.000		700.000				
A.3	Các dự án sử dụng NSTP phê chủ trương đầu tư để thực hiện cho giai đoạn 2026-2030		13		13		7.143.971	7.143.971							6.060.464	6.060.464					
B	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư	1	8		9		3.823.121	3.562.569	260.552	1.850.000		25.000	-25.000	50.000	855.300	655.300	200.000				
B.1	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách Thành phố	1	7		8		3.562.569	3.562.569		1.850.000		-25.000	-25.000		655.300	655.300					
B.2	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách cấp huyện		1		1		260.552		260.552			50.000		50.000	200.000		200.000				
A	Phê duyệt chủ trương đầu tư		17	1	18		10.009.198	8.697.255	1.311.943	100.000	100.000	286.470	-50.000	336.470	8.213.634	7.457.064	756.570				
A.1	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong kỳ kế hoạch (sử dụng NS cấp huyện)			1	1		19.373		19.373			16.470		16.470							
I	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật			1	1		19.373		19.373			16.470		16.470							
1	Dự án đầu tư cải tạo vỉa hè tuyến đường Yên Phụ			1	1	2024-2025	19.373		19.373			16.470		16.470				UBND quận Ba Đình	483/BC-KHĐT ngày 27/8/2024	291/TTr-UBND 05/9/2024	
A.2	Các dự án phê chủ trương đầu tư thực hiện trong 2 kỳ kế hoạch		4		4		2.845.854	1.553.284	1.292.570	100.000	100.000	270.000	-50.000	320.000	2.153.170	1.396.600	756.570				
A.2.1	Các dự án sử dụng ngân sách cấp Thành phố		1		1		385.265	385.265		100.000	100.000	-50.000	-50.000		296.600	296.600					
I	Lĩnh vực y tế, dân số và gia đình		1		1		385.265	385.265		100.000	100.000	-50.000	-50.000		296.600	296.600					
1	Cải tạo, nâng cấp Phòng khám A thành Trung tâm bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố Hà Nội thuộc Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn		1		1	2025-2027	385.265	385.265		100.000	100.000	-50.000	-50.000		296.600	296.600		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	529/BC-KHĐT ngày 10/9/2024	325/TTr-UBND ngày 13/9/2024	

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm đã được phê duyệt hoặc dự nguồn		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư (Dự kiến)	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C			Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung/điều chỉnh KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030						
												Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
A.2.2	Các Dự án sử dụng 2 nguồn ngân sách (NSTP và NS cấp huyện)		2		2		1.344.589	1.168.019	176.570			120.000		120.000	1.156.570	1.100.000	56.570				
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		2		2		1.344.589	1.168.019	176.570			120.000		120.000	1.156.570	1.100.000	56.570				
1	Xây dựng Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao huyện Sóc Sơn		1		1	2025-2028	677.051	612.481	64.570			50.000		50.000	614.570	600.000	14.570	UBND huyện Sóc Sơn	508/BC-KHĐT ngày 30/8/2024	309/TTr-UBND 06/9/2024	
2	Xây dựng Trường phổ thông nhiều cấp học, tiên tiến hiện đại, chất lượng cao huyện Đan Phượng		1		1	2024-2028	667.538	555.538	112.000			70.000		70.000	542.000	500.000	42.000	UBND huyện Đan Phượng	501/BC-KHĐT ngày 30/8/2024	300/TTr-UBND 06/9/2024	
A.2.3	Các Dự án sử dụng ngân sách cấp huyện		1		1		1.116.000		1.116.000			200.000		200.000	700.000		700.000				
I	Lĩnh vực giao thông		1		1		1.116.000		1.116.000			200.000		200.000	700.000		700.000				
1	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 427 đoạn từ dốc Vân La –Cầu Dừa đến đường Dương Trục Nguyên kéo dài, kết hợp cải tạo tuyến kênh tiêu 71, huyện Thường Tín		1		1	2024-2027	1.116.000		1.116.000			200.000		200.000	700.000		700.000	UBND huyện Thường Tín	515/BC-KHĐT ngày 04/9/2024	327/TTr-UBND 13/9/2027	
A.3	Các dự án sử dụng NSTP phê chủ trương đầu tư để thực hiện cho giai đoạn 2026-2030		13		13		7.143.971	7.143.971							6.060.464	6.060.464					
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề		1		1		148.690	148.690							140.000	140.000					
1	Cải tạo, nâng cấp trường Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông Khương Hạ, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.		1		1	2026-2028	148.690	148.690							140.000	140.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	487/BC-KHĐT 27/8/2024	301/TTr-UBND 05/9/2024	
II	Lĩnh vực giao thông		10		10		6.648.576	6.648.576							5.614.684	5.614.684					
1	Đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long đoạn từ đường trục kinh tế Bắc Nam đến điểm nối tiếp với tuyến đường Tây Thăng Long hiện có trên địa bàn Thị xã Sơn Tây, thuộc địa phận huyện Phúc Thọ và Thị xã Sơn Tây		1		1	2026-2030	1.419.935	1.419.935							1.206.940	1.206.940		UBND huyện Phúc Thọ	495/BC-KHĐT 28/8/2024	310/TTr-UBND 09/9/2024	
2	Mở rộng quốc lộ 32 đoạn qua địa phận huyện Hoài Đức từ Km17+100 đến Km19+800		1		1	2026-2028	998.386	998.386							848.630	848.630		UBND huyện Hoài Đức	315/BC-KHĐT 13/6/2024	119/TTr-UBND 19/6/2024	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường Tây Thăng Long qua địa phận huyện Đan Phượng (Đoạn từ kênh Đan Hoài đến tỉnh lộ 417)		1		1	2026-2028	802.025	802.025							729.114	729.114		UBND huyện Đan Phượng	317/BC-KH&ĐT 13/06/2024	198/TTr-UBND 19/6/2024	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 419 đoạn Km51+55 đến Km53+552 (đoạn đi trùng tuyến đường trục phát triển kinh tế Miếu Môn - Hương Sơn), huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội		1		1	2026-2030	330.036	330.036							280.000	280.000		UBND huyện Mỹ Đức	529/BC-KHĐT 19/11/2021	336/TTr-UBND 03/12/2021	

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm đã được phê duyệt hoặc dự nguồn		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư (Dự kiến)	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C			Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung/điều chỉnh KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030				Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố	
												Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
5	Đường tỉnh lộ 425 từ Quốc lộ 21B đi vào khu thắng cảnh di tích Chùa Hương, huyện Ứng Hòa		1		1	2026-2030	175.146	175.146							140.000	140.000		UBND huyện Ứng Hòa	528/BC-KHĐT 19/11/2021	337/TTr-UBND 03/12/2021	
6	Xây dựng đường nối từ đường tránh Quốc lộ 32 đi tỉnh lộ 413		1		1	2026-2029	449.970	449.970							200.000	200.000		UBND thị xã Sơn Tây	662/BC-KHĐT 15/10/2020	183/TTr-UBND 29/10/2020	
7	Tuyến đường nối từ Quốc lộ 21A đến đường vành đai Bắc Phú Cát, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội		1		1	2026-2030	319.900	319.900							280.000	280.000		UBND huyện Quốc Oai	521/BC-KHĐT ngày 04/9/2024	319/TTr-UBND ngày 11/9/2024	
8	Xây dựng đoạn 2 đường nối từ đường Võ Nguyên Giáp đến Khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn (đoạn từ nút giao tỉnh lộ 131 đến đường nối Quốc lộ 3 với đền Sóc)		1		1	2026-2029	498.336	498.336							400.000	400.000		UBND huyện Sóc Sơn	325/BC-KHĐT 13/6/2024	201/TTr-UBND 19/6/2024	
9	Xây dựng đường nối Quốc lộ 3 đến đường Vành đai phía đông khu đô thị vệ tinh Sóc Sơn		1		1	2026-2029	921.857	921.857							850.000	850.000		UBND huyện Sóc Sơn	313/BC-KHĐT 14/6/2024	202/TTr-UBND 19/6/2024	
10	Đường trục phát triển kinh tế Phú Minh - Nam Tiến - Nam Triều		1		1	2026-2030	732.985	732.985							680.000	680.000		UBND huyện Phú Xuyên	511/BC-KHĐT ngày 30/8/2024	312/TTr-UBND 09/9/2024	
III	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1		1		128.138	128.138							120.000	120.000					
1	Xây dựng Trụ sở Thanh tra Thành phố Hà Nội		1		1	2026 - 2028	128.138	128.138							120.000	120.000		Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	329/BC-KHĐT 14/6/2024	188/TTr-UBND 17/6/2024	
IV	Lĩnh vực HTKT tái định cư		1		1		218.567	218.567							185.780	185.780					
1	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án: Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (Cầu đường sắt Đuống) và các dự án đầu tư khu vực Bắc sông Đuống trên địa bàn huyện Gia Lâm		1		1	2026-2028	218.567	218.567							185.780	185.780		UBND huyện Gia Lâm	482/BC-KHĐT ngày 27/8/2024	286/TTr-UBND 30/8/2024	
B	Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư	1	8		9		3.823.121	3.562.569	260.552	1.850.000		25.000	-25.000	50.000	855.300	655.300	200.000				
B.1	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách Thành phố	1	7		8		3.562.569	3.562.569		1.850.000		-25.000	-25.000		655.300	655.300					
I	Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và giáo dục dạy nghề	1			1		980.000	980.000		440.000		-400.000	-400.000								
1	Công trình trọng điểm giai đoạn 2021-2025: Xây dựng Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong thành phố Hà Nội	1			1	2022-2026	980.000	980.000		440.000		-400.000	-400.000					Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng TP	03/BC-HĐTĐ 12/9/2024	322/TTr-UBND 12/9/2024	
II	Lĩnh vực giao thông		4		4		1.972.378	1.972.378		1.210.000		295.000	295.000		375.300	375.300					

TT	Dự án	Nhóm dự án			Tổng số dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư trình duyệt			Kế hoạch trung hạn 5 năm đã được phê duyệt hoặc dự nguồn		Nhu cầu KHV trung hạn						Chủ đầu tư (Dự kiến)	Hồ sơ pháp lý		Ghi chú
		A	B	C			Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	KHV trung hạn	Trong đó: Kế hoạch chưa phân bổ	Dự kiến phân bổ/bổ sung/điều chỉnh KHV trung hạn 5 năm 2021-2025			Dự kiến nhu cầu Kế hoạch vốn trung hạn 5 năm 2026-2030				Bảo cáo thẩm định	Tờ trình của UBND Thành phố	
												Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện	Tổng số	NS Thành phố	NS cấp huyện				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Dự án Nâng cấp, cải tạo tuyến đường Ngũ Hiệp đi Đồng Mỹ, huyện Thanh Trì		1		1	2020-2027	445.064	445.064		195.000		130.000	130.000		245.300	245.300		UBND huyện Thanh Trì	504/BC-KHĐT ngày 30/8/2024	294/TTr-UBND 05/9/2024	
2	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 413 từ Km0+00 đến Km5+900, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội		1		1	2021-2025	556.019	556.019		415.000		85.000	85.000					UBND thị xã Sơn Tây	518/BC-KHĐT ngày 04/9/2024	307/TTr-UBND 06/9/2024	
3	Cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 414 (đoạn từ ngã ba Vĩ Thủy đi Xuân Khanh), thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội		1		1	2021-2025	460.129	460.129		350.000		80.000	80.000					UBND thị xã Sơn Tây	516/BC-KHĐT ngày 04/9/2024	308/TTr-UBND 06/9/2024	
4	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 32 trên địa bàn huyện Ba Vì - giai đoạn 1 (đoạn qua thị trấn Tây Đằng), huyện Ba Vì		1		1	2021-2027	511.166	511.166		250.000					130.000	130.000		UBND huyện Ba Vì	510/BC-KHĐT ngày 30/8/2024	311/TTr-UBND 09/9/2024	
III	Lĩnh vực thủy lợi		3		3		610.191	610.191		200.000		80.000	80.000		280.000	280.000					
1	Cải tạo, nâng cấp cấp sông Cầu Bấy, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội		1		1	hoàn thành năm 2025	297.720	297.720		200.000		80.000	80.000					Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp	520/BC-KHĐT 04/9/2024	317/TTr-UBND 09/9/2024	
2	Cải tạo, hồ chứa nước Văn Sơn, huyện Chương Mỹ.		1		1	2026-2028	155.363	155.363							140.000	140.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp	485/BC-KHĐT 27/8/2024	292/TTr-UBND 05/9/2024	
3	Cải tạo, sửa chữa hồ chứa nước Suối Hai, huyện Ba Vì		1		1	2026-2028	157.108	157.108							140.000	140.000		Ban QLDA ĐTXD công trình HTKT và nông nghiệp	484/BC-KHĐT 27/8/2024	293/TTr-UBND 05/9/2024	
B.2	Các dự án sử dụng toàn bộ ngân sách cấp huyện		1		1		260.552		260.552			50.000		50.000	200.000		200.000				
I	Lĩnh vực hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể		1		1		260.552		260.552			50.000		50.000	200.000		200.000				
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND-UBND huyện Đan Phượng		1		1	2020-2027	260.552		260.552			50.000		50.000	200.000		200.000	UBND huyện Đan Phượng	514/BC-KHĐT 30/8/2024	302/TTr-UBND 06/9/2024	